

ĐINH HÙNG

Người lên đường



Người ở lại

Người lên đường và người ở lại

Đinh Hùng

người lên đường và người ở lại

Đình Hùng

Bìa: *M.C.P*

Nguồn: *Thư viện Tiểu Lùn*

người lên đường và người ở lại

ĐÌNH HÙNG

**Tuần báo NGHỆ THUẬT
số 6, 8 * 7-26/11/1965**

Khi lìa bỏ đất Bắc vào Nam – bỏ lại sau lưng tất cả: vùng trời Hà Nội vào thu, những mái nhà quen thuộc, những hàng cây bạn bè, những con đường tâm giao; và quá khứ hương thơm, ngàn xanh kỷ niệm, bướm vàng hoa trắng của tuổi ấu thơ. trăng gió ngọt ngào của những ân tình mới lớn; cả cái thế giới văn nghệ từ hơn 10 năm đã trở thành một Quê Hương mê hoặc, và bỏ lại cả một phần nao nức nhất của Cái chính mình – sự thực, niềm nhớ tiếc trong tôi chưa gọn nổi rõ hình sắc, chỉ thấy bàng hoàng sương khói những cảm giác mưa

sa chưa thành ý niệm, những ảnh tượng mây dáng chập chờn, một khuôn mặt nào nùng chột ẩn, chột hiện, nửa miệng cười buồn lúc gần, lúc xa... Một niềm nhớ không tên. Một nỗi sầu không định nghĩa. Và chen lẫn cả nhớ lẫn sầu, còn một tình thương vời vợi không biên giới, một tình thương ngập ngừng, khó nói thành lời,

Chính lúc sắp sửa cách biệt tất cả những cái gì vô cùng thân thiết, những cái gì đã gần như là thịt da hỗn phách, tế bào của chính mình, xin thú thật tôi không – chưa thì đúng hơn – nhớ thương da diết tới độ ghen ngào, tới độ đau đớn, tới độ xót sa... Kẽ ra đi là tôi tuy cũng xúc động bụi ngùi, không thấm sâu nhưng tỏa rộng hòa với những hơi thở u hoài nào chẳng biết; tuy cũng buồn cũng nhớ, cũng thương, những nỗi buồn

hình như từ rất xa vời truyền tới; niềm nhớ chẳng phải đơn phương mà như hòa nhịp song vui cùng một tình thương không rõ nguồn gốc. Có lẽ đó là một niềm nhớ thương – chuyển hóa, tử hồn người nhập vào cảnh vật, để rồi ngược lại, xui cảnh vật, mang chính ngay tâm trạng của người. Xa đất Bắc, không hiểu tôi nhớ, tôi thương những cái-gì-ở-lại, hay chính những cái-gì-ở-lại gợi nhắc nhớ thương tôi? Chúng ta là những kẻ ra đi xa lìa cõi Bắc, xa lìa quê hương, xa lìa Hà Nội. Nhưng ít nhiều, chúng ta cũng đã mang theo linh hồn phương Bắc, tấm lòng quê hương, và mang theo linh hồn Hà Nội. Vì thế niềm nhớ của chúng ta với bớt một phần, trong khi quê hương ở lại, nếu còn một chút linh hồn nào, hẳn không khỏi nhớ thương gấp bội.

Niềm cảm ứng, song phương mỗi

thần giao cách cảm linh diệu giữa hai miền Nam Bắc, tôi muốn kể như là một nguồn cảm hứng đột khởi và cao diệu nhất của người văn nghệ sĩ còn đủ hồn đủ tim ở bên kia vĩ tuyến.

Cũng trên dòng cảm hứng đó, phát xuất từ một mạch nguồn chung tiếng nói “Nhân văn Giai phẩm” mấy năm. trước đây đã vọng đến tận bên lòng chúng ta gần gũi và thấm thía và thân mật vô cùng tưởng như chính nỗi lòng chúng ta âm thầm vang dội ngày nào. Và tâm trạng của kẻ ra đi đã có Trần Dần, một người ở lại nghe thấu từng nức nở lắng chìm tận chiều sâu tiếng vọng, để nói hộ chúng ta lời nói ruột thịt xót đau:

Họ vẫn ra đi

Nhưng sao bước rã rời?

Sao họ khóc?

Họ có gì thất vọng?

Đất níu chân đi, gió cản áo bay về

Xa đất Bắc tưởng như rời cõi sống...

Tưởng như đây là phút cuối cùng.

Răng rối lại: mỗi lùm cây, hốc đá,

Mỗi căn vườn, gốc vả, cây sung.

Không nói được, chỉ còn nức nở,

Trắng con người nhìn lại đất trời...

Vậy mà những người ra đi vẫn cứ ra đi, mặc dầu mất hết. Tôi còn muốn xác nhận một điều: mặc dầu cuộc ra đi không hề có nghĩa một cuộc chạy trốn, vì trên thực tế, những cái-gì-ở-lại vẫn còn nhớ thương mình, thú nhất đối với những người làm văn nghệ, khí hậu vẫn còn

dịu lành, chiêu dụ, hứa hẹn là khắc và mặc dầu hàng ngũ văn hữu chung quanh vẫn còn nhiều gương mặt đồng điệu, tôi vẫn cứ thấy cần phải ra đi. Dĩ nhiên, từ những năm tháng đầu biến cuộc 1945, từ những năm đầu kháng chiến, chúng tôi đã có bao nhiêu là dịp để mà hiểu biết thế nào là văn học nghệ thuật hiểu theo quan điểm của những người mác-xít.

Khoảng đầu năm 1960 đã có lần Hà Nội đưa ra đề nghị “Trao Đổi Văn Hóa” giữa hai miền Nam-Bắc, và Hà Nội coi đó là một vấn đề trọng đại. Cố nhiên việc không thành, vì thái độ chung của những người làm văn hóa ở đây là: không chấp nhận bất-cứ-cái-gì-của Hà Nội. Chưa cần xét trên bình diện chính trị, hãy chỉ nói tới một thái độ thuần tri thức. Tuy nhiên cũng có một vài kẻ cao húng bàn rằng: Cứ thử trao đổi chơi một

chuyến xem sao.. Trước hết chúng tôi mình không hề có mặc cảm, vì lực lượng văn hóa của mình cũng hùng hậu chẳng kém ai. Sau là để cho thiên hạ “ngoài kia” được thưởng thức những công trình sáng tác văn nghệ miền Nam biết đâu chẳng có vô số người đồng ý? Ít nhất cũng để những người ngoài Bắc có một ý niệm về thế hệ nào là cái tính chất thực sự tự do của văn hóa miền Nam để miền Bắc có dịp đối chiếu và so sánh.

Dầu sao, đó chỉ là những lời bàn phiếm. Bởi vì thực chất của vấn đề đã mang những điểm phi lý từ căn bản. Trao đổi văn hóa giữa hai miền Nam-Bắc? Làm như Nam với Bắc là hai quốc gia, hai dân tộc! Văn hóa là cái phần “tinh anh phát tiết” không phải của riêng từng địa phương, của riêng từng khu vực sống dưới phạm vi ảnh hưởng những chế độ

chính trị khác nhau, cũng không phải của riêng từng giai đoạn, từng khoảng thời gian 5 năm hay 10 năm... mà phải là của chung cả nước, của tất cả những con người cùng nói một thứ tiếng, cùng viết một thứ chữ, của toàn thể một giống nòi chung huyết thống, chung định mệnh từ quá khứ, hiện tại đến tương lai. Văn hóa phải là một sự kết tinh, phối hợp tự nhiên để rồi tỏa sáng điều hòa cái hồn sống tinh túy nhất, tiêu biểu nhất của một dân tộc, từ vật thể đến tâm linh; cái hồn sống bao trùm, toàn diện, có lúc tiềm tàng, mật ẩn, có khi gợn nổi, vươn cao, nhưng lúc nào cũng giữ trạng thái thuần nhất, không thể chia xẻ, tách rời, không thể chế biến pha trộn. Một nền “văn hóa” theo quan niệm mác-xít, có thể uốn nắn, nhào luyện, rập khuôn tùy theo mỗi giai đoạn, mỗi vị trí, thực không còn xứng đáng gọi là một nền văn hóa.

Trong từng bộ môn văn nghệ, có thể phân biệt địa phương tính. Nhưng không thể có những nền văn hóa từng địa phương. Và không thể có một thứ văn hóa của miền Bắc trình bày như những món hàng chở qua vĩ tuyến để trao đổi cùng văn hóa miền Nam (mà lại không muốn đóng thuế!) Đất nước dù chia đôi khu vực, nhưng không ai có thể chia xẻ được ngôn ngữ cùng văn tự chung của dân tộc Việt Nam, cũng như không thể chia xẻ được dòng máu thuần chất Việt Nam; không thể cắt đứt ngang được dòng sinh điện chuyển tiếp các mạch sống nghìn đời của dân tộc, không thể phân tán được mảnh linh hồn bất diệt của giống nòi, cũng như không thể phân tán được một ánh hào quang rực sáng, những điểm tinh anh nở hoa...

Vậy trên giải đất hình chữ S này, chỉ có một dân tộc, và chỉ có một nền văn hóa duy nhất. Một nền văn hóa phù hợp với cuộc sống vật chất và tâm linh của dân tộc, phát huy được toàn vẹn những tinh hoa thuần phác cùng khả năng phong phú của giống nòi, một nòi giống ngay từ thuở bình minh của lịch sử đã không ngừng chứng tỏ tinh thần quốc gia quật khởi, vì thiết tha bảo vệ tự do, công lý, bảo vệ cái chân bản sắc của con người Việt Nam – người Việt Nam thuần túy từng sống trong cái không khí huyền thoại của một bài thơ thần tiên, người Việt Nam sẵn mang di sản của nòi tình chung, niềm khát vọng còn lắng chìm trong dòng máu tin yêu của một dân tộc thi sĩ.

Dường lối tuyên truyền một chiều đã khiến những người khát vọng tự do hầu như ngạt thở. Và những khẩu hiệu, những giáo điều, những “mít-tinh”, những hội nghị, những tẩy não, tự phê bình, chỉnh huấn, cải tạo... rồi thì những học tập, tham quan, thanh trừng, phản tỉnh... đủ là bao nhiêu bùa chú quái gở giăng trùng trùng như thiên là địa võng, khả dĩ khiến một đầu óc yếu đuối trở nên mê loạn, và mất trí, lạc hồn tới độ xuẩn độn không còn nhân tính, nhưng đồng thời cũng có tác dụng làm cho chán ngán, mệt mỏi, nếu không phải là nổi giận sôi máu những người “cứng bóng vía”, những người còn giữ được

ý thức sáng suốt, bản ngã vững chắc, những người không dễ dàng để mất linh hồn và trái tim.

Sau biến cuộc Điện Biên Phủ - chưa cần đợi tới hội nghị Genève chính những người đối lập với cộng sản từ trong tiềm thức lại là những người sớm có thái độ dứt khoát và quyết liệt hơn cả, trước vấn đề “đi hay ở”? Trên thực tế, vấn đề chưa đặt ra. Nhưng nhiều người đã linh cảm thấy sự đe dọa phải chung sống với “Đảng và Bác”, trước các viễn tượng quân đội Pháp rút khỏi đất Bắc. Có lẽ vì sự tiếp nhận, “thấy trước” của trực giác, tâm linh thường vẫn bén nhạy, vi tế hơn cả sự suy luận biện chứng của lý trí.

Những người khát vọng tự do sẵn sàng mất hết tất cả những gì thân thiết nhất để tìm đến một khung trời phóng khoáng hơn, một khí hậu dễ thở hơn.

Riêng đối với tôi, khi ra đi bên cạnh nỗi buồn ly hương chỉ mới thoảng nhẹ ngậm ngùi, không hiểu sao bỗng rợn lên một niềm đau xót đột ngột như một vết dao lướt vào da thịt, không chảy máu, mà nghe xúc động tê tái: Tôi nghĩ đến một sự mất mát, một sự mất mát lớn nhất, không thể nào cứu vãn, sự mất mát có ý nghĩa như một đổ vỡ, một tan rã tàn nhẫn. Đó là sự mất mát những người bạn văn nghệ! Hàng ngũ chúng tôi, những người nhập cuộc từ tiền chiến, lớn lên từ kháng chiến, và trưởng thành trong khói lửa, suốt mười mấy năm trời sống bên cạnh nhau, từng đi sâu cả vào tâm sự của nhau từ thửa hoa niên tới những ngày tháng tàn xuân tuy chưa hẳn già nhưng cũng không còn thơ trẻ, từng theo dõi bước đi của nhau qua bao nhiêu lộ trình gió bão, chờ nghe từng tiếng vọng của nhau truyền qua không gian tao loạn mà

vẫn yên chí rằng chưa mất nhau, chúng tôi, một số đông, rất đông những người trước kia là bạn cố tri với nhau, những tâm hồn đồng điệu từ bao lâu từng đứng chung nhau một khoảnh đất, từng hòa chung niềm cảm với nhau qua một ý thơ, một nét vẽ, một điệu nhạc, ngày nay, dầu muốn đầu không, chắc chắn kẻ ra đi và người ở lại chuyển này đành chính thức mất nhau!

Cho tới khi tiếng nói “Nhân Văn Giai Phẩm” vọng tới bên này. sôi nổi như một bản hòa âm kỳ lạ và tuyệt diệu của chính nỗi lòng chúng tôi cũng đang muốn tự giải thoát – người làm văn nghệ lúc nào cũng muốn vượt thoát hoàn cảnh – chúng tôi mới hồi hộp vui mừng nhận thấy những người bạn cũ vẫn chưa mất. Vui mừng và cảm động vì lại tìm thấy những người bạn cố tri, thành thực tôi

chưa kịp chia xẻ niềm uất hận và phần nộ cùng các bạn. Ngày đó, hào hứng biết bao nhiêu, cảm khái biết bao nhiêu khi đọc những bài thơ của Trần Dần, Lê Đạt, Văn Cao, Phùng Quán, Hoàng Cầm... những đoạn văn của Phan Khôi, Thụy An, Trần Lê Văn, Hoàng Như Mai... và kịch của Hoàng Tích Linh, Chu Ngọc, và cáo luận của Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh... mỗi tên tuổi, mỗi giọng nói lại hiện lên một vóc dáng một khuôn mặt, - những khuôn mặt, những vóc dáng bạn bè vô cùng thân thiết, tưởng chừng có kèm thêm cả mây trời quá khứ, ánh đèn lẫn với trăng sao, mùa thu Hà Nội, hoa rượu ngày xưa.

Tới nay đã gần 10 năm qua. Vụ Nhân Văn Giai Phẩm đã hầu như chìm vào tịch mịch. Chìm theo cả những khuôn mặt Nhân Văn tiêu biểu nhất. Nhưng

bàn tay đàn áp ma quái của Đảng chỉ có thể dìm đi một số văn nghệ phẩm chống đối, ngăn cản sự phát triển hình thức của một phong trào, cũng như chỉ có thể giam cầm, kìm hãm một thể xác, khóa tay chặt lưỡi một con người. Hoặc, bằng những lớp tuồng tự phê bình, giác ngộ, phản tỉnh dàn cảnh quá vụng về, trơ trẽn, những màn kịch “quay đầu, hối cải” mà ai cũng biết là ngụy tạo, những vụ cưỡng bách linh hồn, hiếp đáp nghệ thuật một cách cực kỳ tàn nhẫn mà xuẩn động. Đảng cùng hàng ngũ văn nô vẫn không gây thêm được chút uy tín nào, và nhất là vẫn không thể nào cứu vãn được sự tê lạnh mệnh mông của sinh hoạt văn nghệ miền Bắc tê lạnh trước hết vì thiếu sự tham dự của những tên tuổi Nhân Văn Giai Phẩm. Càng tê lạnh suy sụp hơn nữa vì ngọn lửa Nhân Văn chột tắt đã để lại một khoảng trống quá lớn khiến người

dân miền Bắc không khỏi có ý tưởng so sánh. So sánh không khí hào hùng chống đối của những con người văn nghệ đầy nhiệt tình, với thứ không khí tô hồng chế độ, “hoan hô Đảng và Bác muôn năm” của đám văn nô cùng một giọng lưỡi. Bất cứ ai có đôi chút liêm sĩ cũng phải nhận thấy rằng: Một Xuân Diệu làm thơ xin “ôm lấy Đảng vĩ đại” hoặc một Lưu Trọng Lư ca ngợi “quê hương lãnh tụ nhiều mây trắng, nhìn mặt trời lên nhớ bác Mao...” tất không thể nào đặt ngang hàng cùng một Trần Dần hiên ngang tuyên bố “ôi xưa nay Người vẫn thiếu tin Người” hoặc một Hoàng Cầm say mê trong “Tiếng Hát Quan Họ” long lanh sáng như vầng trăng tỏa rộng, và mỗi lời thơ như cũng ngọt ngào hương thơm hoa cả Đồi Lim.

Phải nhận rằng: Lực lượng Nhân Văn Giai Phẩm là một lực lượng bất khả thay thế.

Người ta chưa quên nhận xét của Tô Hoài, một cây bút tiền chiến nửa thỏa hiệp đầu hàng, nửa còn lưu luyến cái chất nghệ sĩ rung cảm, Tô Hoài tựu chung vẫn phục vụ chế độ nghiêm chỉnh, vậy mà giữa thời Nhân Văn Giai Phẩm, có lần đã phải thốt ra những lời chí tình! “Thơ ta bế tắc, nhạt nhẽo, nghèo nàn và rập khuôn. Trước những bài thơ vô vị phải kể đến Trần Dần, Lê Đạt, Văn Cao, Hoàng Cầm v.v... Họ hăng hái mà tình tứ, táo bạo nhưng có trách nhiệm, đẹp và đáng yêu biết bao! Những loại thơ đầy ánh sáng thiết tha rục rở vào tâm hồn, đập vào các thứ nhọ nôi, bồ hóng, sửa sang trang trí đầu óc cho luôn được mới, được đẹp. Những loại thơ đầu tiên ấy

đã đem một sắc thái riêng vào thơ thời đại...”

Rồi tới năm 1960, “Hội Nghị Những Người Sáng Tác Văn Học” gồm hơn 60 đại biểu có tai mắt của miền Bắc cũng đã nhất trí nhận định: “Phong trào thơ hiện nay phát triển về số lượng nhưng về mặt cảm xúc thì không mạnh mẽ, sâu sắc như thơ trong kháng chiến...”

Phải, nhận định như vậy là Miền Bắc cũng khá biết mình, biết người.

Không có gì để mà tự hào, đành phải phục thiện, xác nhận một sự thật không thể che giấu nổi: “Thơ (miền Bắc) hiện nay không sâu sắc bằng thơ kháng chiến...” có nghĩa là tất cả tập đoàn văn nô ngày nay thi đua ca hát véo von cũng không rung cảm lòng người thấm thía bằng tiếng nói phát xuất từ trái tim các

nhà thơ hồi kháng chiến. Và có nghĩa là những Tố Hữu, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, cả Chế Lan Viên nữa, từng được Đảng giáo dục kỹ lưỡng tới mức “thượng thừa” trong hàng văn nô, cùng với cả một đám đông văn nô ưu tú khác gồm hơn 30 tên tuổi như: Huy Cận, Nguyễn xuân Xanh, Hoàng trung Thông. Trần hữu Thung, Bàng sĩ Nguyên, Hoàng Tố Nguyên, Đào xuân Quý v. v... từng được tập trung đi “thực tế” học tập lao động để về làm thơ, hăng hái và xôn xao góp tiếng trong thi phẩm “Trên Miền Bắc Thân Yêu” do Đảng đỡ đầu và Hội Nhà Văn tiếp tay phổ biến... bao nhiêu tinh hoa lỗi lạc như vậy của giới văn nô xét ra vẫn còn nghèo nàn (về phẩm) và hời hợt, nông cạn, không sâu sắc bằng một Quang Dũng với “Tây Tiến”, một Hữu Loan với “Màu Tím Hoa Xim”, một Hoàng Cầm với “Bên kia sông Đuống”,

một Yên Thao với “Nhà Tôi” và một Tất Vinh với những vần thơ xưng “mày, tao” mà vẫn được truyền tụng qua rất nhiều của miệng, một Trần Dần kháng chiến với những câu thơ còn nguyên vẹn không khí tượng trưng mà Bộ Đội Sơn La vẫn cứ hoan nghênh:

Ôi kẻ xa chơi kẻ trú đình

Quê nhà ai khóc, lệ ai xanh?

Hồn em mây chở về đâu nhỉ

Có gặp buồn trong cuộc lũ trình?

Hay dậy đi, cô nàng Lịch Sử

Tay này em vịn hã còn men

Cầm em, chiếc gậy lên đường đó

Hãy để nhà hoang lụn phố đèn....

Đáng lẽ chẳng cần căn cứ vào những lời văn nô phê bình văn nghệ – dù khen, dù chê – chúng ta cũng biết chắc chắn rằng: vốn liếng cùng tinh thần của văn nô miền Bắc hiện thời quả thực không thể làm giàu cho Miền Bắc được. Những cây cổ thụ đều khô cạn sinh khí, những mầm non cũng thiếu hẳn chất nhựa mạnh cần thiết, chất nhựa rạo rức nhiệt tình, và thiếu cả cái màu thiên nhiên hoa cỏ, huống chi già cũng như non đều bị ghép cây, chiết cành, bị uốn nắn giống hệt nhau cùng bởi một bàn tay thợ vườn, cùng được bón chung một thức phân hóa học... nếu có nở hoa, chắc sẽ nở đồng đều một loại “hoa cúc vạn thọ”! Những văn nô thiếu bản chất riêng đó làm sao có thể tạo được một mùa xuân văn nghệ tươi xanh trên đất Bắc, và phồn thịnh như cái thửa “mùa xuân Giai Phẩm”. Cho đến cả cái lò luyện ma thuật cộng sản chuyên

môn nhào nặn, chế biến linh hồn cũng không thể nào đào tạo được một lớp người mới có cái sinh khí cùng tiềm lực của những con người Nhân Văn mà lại không mang linh hồn Nhân Văn. Và nghĩa là không thể nào cộng sản biến cải được một linh hồn Nhân Văn trở thành văn nô mà còn giữ được ngọn lửa Nhân Văn cùng cái phong độ Nhân Văn.

Vậy thì những người bạn của chúng ta, những người bạn của tôi ngày nào phát cao cờ Nhân Văn Giai Phẩm chống đối lại chính sách chỉ huy văn nghệ của cộng sản, giờ đây số phận ra sao? Gần 10 năm đã trôi qua. Một số khá đông không còn thấy hiện diện trong sinh hoạt văn nghệ miền Bắc, mà cũng hầu như biệt tích trong cuộc đời.

Tôi nghĩ nhiều đến Trần Dần, Tử Phác, Hoàng Cầm, Phan Tội, Thụy An,

Văn Cao, Quang Dũng. Nguyễn Bính, Trần Lê Văn và Chu Ngọc, con người yêu kịch hơn cả yêu đàn bà, và Hoàng Như Mai tác giả vở kịch “Tiếng trống Hà Hồi”, con người cũng yêu kịch nhưng lại mê... vợ hơn, nên kịch đành đứng hàng thứ nhì... những tên tuổi đó, từ lâu lắm rồi không thấy Hà Nội nhắc nhở tới.

Trừ trường hợp một Nguyễn Bính, sau bao nhiêu va chạm hẳn là thể thảm lắm (vì đã một lần bị V.C cho tay sai hành hung giữa phố Hàng Bông) dần dần thấy miễn cưỡng có một vài bài thơ phục vụ chế độ (!) để rồi năm 1963, một tập thơ của Bính: “Đêm Sao Sáng” được nhà xuất bản Văn Học Miền Bắc cho ra đời. Một ân huệ? Hay là một đại bất hạnh? Chỉ biết với “Đêm Sao Sáng” Nguyễn Bính đã không còn là Nguyễn Bính nữa. Thà rằng Bính bị cầm tù, thà rằng Bính bị thủ

tiêu còn hơn sống dưới áp lực của cộng sản làm một thi-sĩ-máy! Tấn thảm kịch còn chưa sót, bị đát gấp bội cái chết hoặc sự đày ải của thể xác vì thể xác dẫu bị hành hạ, ít ra cũng giải thoát được linh hồn.

Trường hợp Quang Dũng hình như cũng tương tự. Quang Dũng, con người có cái phong thái hiên ngang mà trữ tình từ vóc dáng tới lời thơ, người thi sĩ xuất hiện tử kháng chiến, và điển hình rất hào sảng lớp thanh niên lao mình vào chiến cuộc phiêu lưu để tìm ân tình và cái đẹp, đã một dạo có tin bị lưu đày mất tích và đã lìa bỏ cõi đời. Nhưng rồi bất ngờ người ta thấy tên Quang Dũng ký dưới những bài thơ tuyên truyền cho chế độ, kiểu “hạt lúa củ khoai”, “mồ hôi lao động”, những bài thơ cố nhiên không còn gì là Quang Dũng của kháng chiến.

Dẫu sao, cũng không có gì đáng ngạc nhiên. Vì dưới chế độ cộng sản, tất cả mọi sự phi lý, giả tạo, tất cả mọi hư nguy đều có thể xảy ra. Và chúng ta sẽ không ngạc nhiên chút nào, nếu mai đây bỗng được tin những Trần Dần, Tử Phác, Văn Cao, Hoàng Cầm v.v... đã tự giác ngộ, quay đầu “ôm lấy Đảng vĩ đại”, và thi đua làm thơ tô hồng chế độ.

Trong khung trời miền Bắc, dù họ muốn đi tới đâu cũng không vượt thoát được mấy “cửa sinh, cửa tử” của thế trận mê hồn bủa vây sẵn bốn mặt.

Phải có một phép lạ xảy tới, một biến cố phi thường mới mong đổi thay được số phận họ. Tuy nhiên tôi vẫn chờ sự lạ đó, như thửa nào xưa chung sống cùng Trần Dần, Tử Phác, Hoàng Cầm, Quang Dũng. chúng tôi vẫn thường tuyên bố:

“Cuộc đời chỉ có ý nghĩa nhờ những phép màu, những sự phi thường, những “miracles”!

